

Bản án số: 188/2024/HS-PT
Ngày 10-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Giang

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 176/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2024/QĐXXPT-HS ngày 25 tháng 11 năm 2024 với bị cáo Vũ Văn T và đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2024/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Vũ Văn T, sinh ngày 25 tháng 8 năm 1991, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K; có vợ là Trần Thị N và 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân; Bản án số 15/2011/HSST ngày 01/3/2011 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Bản án số 33/2011/HSST ngày 20/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt với Bản án số 15/2011/HSST ngày 01/3/2011 là 39 tháng tù; Bản án số 20/2018/HSST ngày 09/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy xử phạt 42 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (đều đã được xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2024 đến ngày 19/02/2024 chuyển tạm giam, ngày 17/06/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; có mặt.

2. Phạm Văn K1, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1996, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K2 và bà Vũ Thị P; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 276 ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản” (đã được xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/12/2023 đến ngày 18/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Trần Huỳnh L, sinh ngày 12 tháng 7 năm 1982, tại Hải Phòng; nơi cư trú: T, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Huỳnh M (đã chết) và bà Ngô Thị V; có vợ là Ngô Thị T2 và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 22/QĐ-XPVPHC ngày 19/01/2023 của Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/12/2023 đến ngày 18/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Văn T: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1963 (là mẹ đẻ bị cáo) và chị Trần Thị N, sinh năm 1999 (là vợ bị cáo); cùng địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; bà K vắng mặt; chị N có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Huỳnh L: Ông Nguyễn Đức T3, Luật sư Công ty L4 - Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Ngô Thị N1, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 10/12/2023 tại gia đình bà Ngô Thị N1, sinh năm 1967 trú tại thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng tổ chức đám cưới cho con trai là anh Nguyễn Văn D và mời khách đến chung vui. Khoảng 11h cùng ngày thì có một số thanh niên vào phòng khách nhà bà N1 ngồi chơi uống nước và rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm, xóc đĩa được thua bằng tiền Việt Nam. Vũ Trung H lấy kéo ở khu vực kệ tivi phòng khách nhà bà N1, sau đó Vũ Trung H và Lê Văn H1 dùng kéo cắt 04 quân vị hình tròn từ lá bài tứ lơ khơ có hai mặt màu đỏ và màu trắng, Nguyễn Văn T4 lấy bát, đĩa sứ đưa cho Vũ Văn K3 và K3 cầm cái cho các đối tượng có mặt tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa. Cả nhóm quy ước đánh bạc có hai cửa chắn và lẻ; cửa chắn ở phía trong của người cầm cái, cửa lẻ ở phía bên ngoài; sau khi người cầm cái xóc cái những người chơi đặt tiền ở các cửa chắn và lẻ tùy theo sở thích của mình; đến khi người xóc cái mở bát nếu có 04 hoặc 02 quân vị

cùng màu thì ván bạc đó là cửa chắn, những người đặt tiền ở cửa chắn thắng cược và ngược lại. Người xóc cái là người thu toàn bộ tiền đã đặt cược của những người thua bạc và trả tiền cho những người thắng bằng số tiền họ đã đặt cược, các đối tượng không quy định số tiền cao nhất, thấp nhất khi đặt cược. Sau khi Vũ Văn K3 cầm cái thì chuyển cho Vũ Trung C, rồi đến Vũ Văn T lần lượt thay nhau xóc cái cho các đối tượng khác tham gia đánh bạc.

Khi tham gia đánh bạc các đối tượng sử dụng số tiền để đánh bạc như sau:, Ngô Quang H2 sử dụng 5.600.000 đồng, Vũ Thanh H3 sử dụng 3.000.000 đồng, Nguyễn Văn T4 sử dụng 2.700.000 đồng, Vũ Văn K3 sử dụng 2.600.000 đồng, Vũ Mạnh C1 sử dụng 2.300.000 đồng; Ngô Quang T5 sử dụng 1.800.000 đồng; Vũ Văn L1 sử dụng 1.000.000 đồng; Nguyễn Tiến M1 sử dụng 1.000.000 đồng; Nguyễn Duy M2 sử dụng 1.000.000 đồng; Phạm Văn V1 sử dụng 800.000 đồng; Vũ Trung H sử dụng 800.000 đồng; Vũ Lệnh H4 nhờ Bùi Đình H5 đánh hộ 04 lần với tổng 800.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Văn Q sử dụng 700.000 đồng, Vũ Văn P1 sử dụng 500.000 đồng, Phạm Tiến A sử dụng 1.000.000 đồng; Phạm Văn K1 sử dụng 550.000 đồng; Nguyễn Công P2 sử dụng 500.000 đồng, Phạm Văn T6 sử dụng 2.600.000 đồng, Vũ Trung C sử dụng 1.500.000 đồng, Vũ Văn T sử dụng 900.000 đồng, Lê Văn H1 sử dụng 1.000.000 đồng trong đó Trần Huỳnh L đánh hộ số tiền 200.000 đồng; Trần Xuân T7 sử dụng 250.000 đồng; Ngô Quang N2 sử dụng 1.500.000 đồng, ngoài ra còn có đối tượng khác tham gia đánh bạc nhưng chưa xác định được lai lịch và số tiền sử dụng để đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 64.250.000 đồng.

Các bị cáo đánh bạc đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện K phát hiện và thu giữ vật chứng gồm: 01 đĩa sứ tròn màu trắng, 01 bát sứ màu trắng (bị vỡ), 04 quân vị hình tròn có hai mặt màu đỏ và màu trắng, 01 chiếc kéo cán màu xanh ghi, số tiền 64.250.000 đồng. Ngoài ra, thu giữ trên người Phạm Văn V1 1.450.000 đồng, Nguyễn Công P2 1.500.000 đồng, Vũ Văn P1 6.500.000 đồng, Vũ Văn K3 800.000 đồng, số tiền này Phạm Văn V1, Nguyễn Công P2, Vũ Văn P1, Vũ Văn K3 không sử dụng để đánh bạc.

Ngoài ra, tại nhà bà N1, cùng thời điểm, các bị cáo Vũ Lệnh H4, Nguyễn Duy M2, Vũ Trung C cùng với Ngô Trần Vũ C2, sinh năm 1998, Bùi Văn L2, sinh năm 1998, cùng trú tại xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh phỏm (Vũ Trung H và Bùi Đình H5 không bỏ tiền đánh bạc mà chỉ đánh hộ nhóm Ngô Trần Vũ C2 một số ván bạc). Cụ thể, các đối tượng đánh bạc theo tỷ lệ được thua là 20.000 đồng, 40.000 đồng, 60.000 đồng tương ứng với nhì, ba và về cuối, “cháy” là 100.000 đồng, “ù” là 200.000 đồng. Ngô Trần Vũ C2 sử dụng 400.000 đồng và thua hết; Vũ Lệnh H4 sử dụng 400.000 đồng và bị thua hết; Vũ Trung C sử dụng 500.000 đồng và thắng 600.000 đồng; Bùi Văn L2 sử dụng 200.000 đồng và thua hết; Nguyễn Duy M2 sử dụng 500.000 đồng và thắng 400.000

đồng. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 2.000.000 đồng. Ngày 19/4/2024, Nguyễn Duy M2 đã nộp lại số tiền 900.000 đồng là tiền M2 sử dụng để đánh phỏm và tiền thắng khi tham gia đánh phỏm, sau khi tham gia đánh phỏm Vũ Trung C thắng 1.100.000 đồng và tiếp tục sử dụng đánh bạc tại chiếu đánh xóc đĩa.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 210/KLGĐ ngày 30/7/2024 của V2 Kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị cáo Vũ Văn T bị bệnh “Chậm phát triển tâm thần nhẹ”, theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã F70. Tại các thời điểm trên bị cáo hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HS-ST ngày 26/9/2024 Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H1, Ngô Quang T5, Vũ Văn T, Phạm Văn K1, Trần Huỳnh L, Nguyễn Văn T4, Vũ Trung H, Phạm Tiến A, Vũ Văn K3, Vũ Trung C, Ngô Quang H2, Vũ Thanh H3, Phạm Văn T6, Vũ Mạnh C1, Ngô Quang N2, Vũ Văn L1, Nguyễn Tiến M1, Nguyễn Duy M2, Bùi Đình H5, Vũ Lệnh H4, Phạm Văn V1, Nguyễn Văn Q, Vũ Văn P1, Nguyễn Công P2 và Trần Xuân T7 đồng phạm tội “Đánh bạc”

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 56 (đối với bị cáo T5) Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn H1 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Ngô Quang T5 03 năm 06 tháng tù, tổng hợp với thời gian cải tạo không giam giữ bị cáo chưa chấp hành của bản án số 17/2023/HS-ST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy là 03 tháng 21 ngày. Quy đổi thời gian cải tạo không giam giữ còn lại là 03 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ bằng 37 ngày tạm giam, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 03 năm 07 tháng 07 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, trừ cho bị cáo thời hạn tạm giam từ ngày 20/12/2023 đến ngày 29/01/2024.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 03 (ba) năm tù, trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2024 đến ngày 17/06/2024, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn K1 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ từ ngày 11/12/2023 đến ngày 18/12/2023.

Xử phạt bị cáo Trần Huỳnh L 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ từ ngày 11/12/2023 đến ngày 18/12/2023.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T4, Vũ Trung H, Vũ Văn K3, Vũ Trung C, Ngô Quang H2, Vũ Thanh H3, Phạm Văn T6, Vũ Mạnh C1, Ngô Quang N2, Vũ Văn L1, Nguyễn Tiến M1, Nguyễn Duy M2, Phạm Tiến A, Bùi Đình H5, Vũ Lệnh H4, Phạm Văn V1, Nguyễn Văn Q, Vũ Văn P1, Nguyễn Công P2, Trần Xuân T7 mỗi bị cáo 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Ngoài ra, bản án còn giải thích chế định án treo, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Đối với Ngô Trần Vũ C2, Bùi Văn L2 (nhân thân đều chưa có tiền án, tiền sự) có hành vi đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra chuyển đến Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với bà Ngô Thị N1 là chủ nhà không biết việc các bị cáo đánh bạc được thua bằng tiền tại nhà của mình và chị Nguyễn Thị S (con dâu bà N1) có hành vi chỉ vị trí để kéo cho Vũ Trung H nhưng không biết việc các bị cáo dùng kéo để cắt quần vị và việc các bị cáo đánh bạc được thua bằng tiền nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Ngoài ra, còn có đối tượng khác tham gia đánh bạc cùng với các bị cáo, tuy nhiên chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra làm rõ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn K1 và Trần Huỳnh L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn K1 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới là: Đơn xin xác nhận ngày 08/10/2024 về việc bị cáo đã tham gia giúp đỡ và khắc phục hậu quả do cơn bão số 3 năm 2024 gây ra bằng ngày công lao động và thu mua nhu yếu phẩm trao cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thôn T, xã M. Ngoài ra, bị cáo còn cung cấp tài liệu thể hiện ông ngoại bị cáo là

ông Vũ Văn L3 được trao tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì; bị cáo Trần Huỳnh L cung cấp được đơn xin xác nhận của UBND thị trấn N về việc bị cáo chấp hành tốt pháp luật ở địa phương, tham gia phong trào liên gia PCCC; có bố đẻ đã tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; ông Ngô Xuân S1 được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba; bị cáo Vũ Văn T không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo T và người đại diện hợp pháp trình bày: Khi phạm tội bị cáo là người hạn chế khả năng nhận thức nên thiếu hiểu biết pháp luật, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố bị cáo đã chết, mẹ bị cáo già yếu, bị cáo có hai chị gái nhưng lấy chồng ở gia đình nhà chồng. Bị cáo làm nghề phụ xây, gia đình còn có vợ và con còn nhỏ. Vì vậy, bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

Bị cáo K1 trình bày tại phiên tòa: Bị cáo phạm tội nhưng tham gia đánh bạc với số tiền nhỏ là 550.000 đồng. Ông ngoại bị cáo là ông Vũ Văn L3 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì và huy hiệu 50 năm tuổi Đảng. Ở địa phương nơi cư trú bị cáo tích cực tham gia phòng chống bão lụt ở địa phương. Vì vậy, bị cáo K1 xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo L và bị cáo thống nhất trình bày: Khi phạm tội, bị cáo L có uống rượu (do bị cáo là cháu bà N1 và ngày hôm đó ăn cỗ đám cưới con bà N1); mặc dù đây không phải là tình tiết giảm nhẹ nhưng cũng làm cho nhận thức pháp luật của bị cáo bị hạn chế. Bị cáo L không có ý thức tham gia đánh bạc ngay từ đầu mà chỉ đánh bạc hộ bạn số tiền 200.000 đồng nên hành vi phạm tội mang tính bộc phát, vai trò của bị cáo trong vụ án rất mờ nhạt, bị cáo có vai trò thứ yếu. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động tự do không có công việc và thu nhập ổn định nhưng bị cáo luôn chấp hành tốt đường lối chính sách ở địa phương, tham gia tích vào phong trào liên gia phòng cháy chữa cháy, có bố vợ là ông Ngô Xuân T8 tham gia chiến trường Campuchia, có ông nội vợ là Ngô Xuân G được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo L được hưởng án treo để bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Kiểm sát viên tranh luận với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo L: Bị cáo Trần Huỳnh L là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Bị cáo tự uống rượu nên đây không coi là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo hoặc là lý do để bị cáo hạn chế nhận thức pháp luật. Bị cáo L cung cấp tài liệu thể hiện ông Ngô Xuân T8 tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc nhưng là bản photocopy và không có tài liệu thể hiện quan hệ giữa ông T8 và bị cáo; tài liệu thể hiện ông Ngô Xuân G là người có công với cách mạng và trình bày là ông nội vợ bị cáo nhưng không có tài

liệu chứng minh. Do vậy, không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc giải quyết kháng cáo như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn K1, Trần Huỳnh L đã đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị cáo K1 nhân thân có 01 tiền án đã được xóa, tham gia đánh bạc với số tiền cao hơn bị cáo L. Bị cáo L nhân thân có 01 tiền sự chưa được xóa nhưng số tiền đánh bạc ít hơn và vai trò thấp hơn bị cáo K1 nên xét xử bị cáo K1 mức hình phạt cao hơn bị cáo L; bị cáo L xét xử ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp. Đối với bị cáo T nhân thân có 03 tiền án đều được xóa án tích nhưng bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức nên xét xử bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, có ý thức coi thường pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội. Xét thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là thỏa đáng, phù hợp tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo và quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn K1, Trần Huỳnh L đã đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại giai đoạn điều tra, truy tố các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Xét kháng cáo của bị cáo:

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ

được cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 11 giờ 30 phút đến 12 giờ 45 phút ngày 10/12/2023, tại nhà bà Ngô Thị N1, các bị cáo Lê Văn H1, Ngô Quang T5, Vũ Văn T, Nguyễn Văn T4, Phạm Văn K1, Trần Huỳnh L, Vũ Trung H, Vũ Văn K3, Vũ Trung C, Ngô Quang H2, Vũ Thanh H3, Phạm Văn T6, Vũ Mạnh C1, Ngô Quang N2, Vũ Văn L1, Nguyễn Tiến M1, Nguyễn Duy M2, Phạm Tiến A, Bùi Đình H5, Vũ Lệnh H4, Phạm Văn V1, Nguyễn Văn Q, Vũ Văn P1, Nguyễn Công P2 và Trần Xuân T7 cùng một số đối tượng khác đánh “phôm”, xóc đĩa dưới hình thức được thua bằng tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 64.250.000 đồng. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, K1, L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Văn T bị hạn chế khả năng nhận thức khi phạm tội và ra đầu thú nên bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức” quy định tại điểm q khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò của các bị cáo trong đồng phạm: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo Lê Văn H1, Ngô Quang T5, Vũ Văn T, Nguyễn Văn T4, Phạm Văn K1, Trần Huỳnh L, Vũ Trung H, Vũ Văn K3, Vũ Trung C, Ngô Quang H2, Vũ Thanh H3, Phạm Văn T6, Vũ Mạnh C1, Ngô Quang N2, Vũ Văn L1, Nguyễn Tiến M1, Nguyễn Duy M2, Phạm Tiến A, Bùi Đình H5, Vũ Lệnh H4, Phạm Văn V1, Nguyễn Văn Q, Vũ Văn P1, Nguyễn Công P2 và Trần Xuân T7 đều tham gia đánh bạc với nhau. Các bị cáo đánh bạc do tự phát, không có sự bàn bạc, không có sự tổ chức, phân công người chuẩn bị, khởi xướng và cũng không bố trí người canh gác, canh giới hay thu tiền hồ. Do vậy, Hội đồng xét xử đánh giá các bị cáo phạm tội đều với tư cách là người thực hành tích cực, có vai trò cơ bản ngang nhau, tuy nhiên các bị cáo có nhân thân và mức độ phạm tội khác nhau nên cần đánh giá vai trò và có mức hình phạt phù hợp với từng bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[7] Bị cáo Phạm Văn K1 nhân thân có 01 tiền án về tội “Cướp tài sản” có khung hình phạt thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, mặc dù đã được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo không bị tính là tái phạm nguy hiểm nhưng cần đánh giá bị cáo có nhân thân xấu; bị cáo lại có ít tình tiết giảm nhẹ hơn so với bị cáo T, số

tiền tham gia đánh bạc nhiều hơn của bị cáo L do đó xử bị cáo mức án trên khởi điểm của khung hình phạt, cao hơn mức án của bị cáo T, L.

[8] Bị cáo Vũ Văn T nhân thân có 03 tiền án, trong đó có 01 tiền án về tội “Đánh bạc”, mặc dù cả ba tiền án của bị cáo đều đã được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo không tính là tái phạm nhưng cần đánh giá bị cáo có nhân thân xấu để có mức án phù hợp. Số tiền bị cáo tham gia đánh bạc cao hơn bị cáo L nhưng khi phạm tội bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức nên xử bị cáo ngang bằng với bị cáo L và ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

[9] Bị cáo Trần Huỳnh Lâm nhân T9 có 01 tiền sự về hành vi “Đánh bạc” chưa hết thời gian được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội “Đánh bạc” chứng tỏ bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình để cải tạo, tu dưỡng tốt. Số tiền bị cáo tham gia đánh bạc chỉ có 200.000 đồng nên xử bị cáo mức án ở khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

[10] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn K1 cung cấp thêm tài liệu mới là: Đơn xin xác nhận ngày 08/10/2024 về việc bị cáo đã tham gia giúp đỡ và khắc phục hậu quả do cơn bão số 3 năm 2024 gây ra bằng ngày công lao động và hỗ trợ nhu yếu phẩm cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thôn T, xã M; ngoài ra, bị cáo còn cung cấp tài liệu thể hiện ông Vũ Văn L3 - bị cáo trình bày là ông ngoại bị cáo được trao tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì. Bị cáo Trần Huỳnh L cung cấp được đơn xin xác nhận của UBND thị trấn N về việc bị cáo chấp hành tốt pháp luật ở địa phương, tham gia phong trào liên gia phòng cháy chữa cháy; cung cấp tài liệu thể hiện ông Ngô Xuân T8 - bị cáo trình bày là bố vợ đã tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở chiến trường Campuchia; ông Ngô Xuân G là ông nội vợ bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba. Tuy nhiên, các bị cáo không cung cấp được tài liệu chứng minh mối quan hệ của bị cáo với những người này. Do đó, không chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho bị cáo L như đề xuất của Kiểm sát viên. Bị cáo Vũ Văn T không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân xấu, có ý thức coi thường pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là thỏa đáng, phù hợp tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vai trò của các bị cáo trong đồng phạm nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn K1 và Trần Huỳnh L, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, giữ nguyên về hình phạt đối với các bị cáo.

[11] Về án phí: Các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn K1 và Trần Huỳnh L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do kháng cáo không được chấp

nhận nên các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn K1 và Trần Huỳnh L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn K1, Vũ Văn T và Trần Huỳnh L; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng về hình phạt đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s (áp dụng thêm điểm q đối với bị cáo T) khoản 1; (áp dụng thêm khoản 2 đối với bị cáo T) Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn K1, Vũ Văn T, Trần Huỳnh L phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo: Phạm Văn K1 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ từ ngày 11/12/2023 đến ngày 18/12/2023.

Xử phạt bị cáo: Vũ Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2024 đến ngày 17/06/2024,

Xử phạt bị cáo: Trần Huỳnh L 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ từ ngày 11/12/2023 đến ngày 18/12/2023.

3. Về án phí hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn K1 và Trần Huỳnh L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Kiến Thụy;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS huyện Kiến Thụy;
- Chi cục THADS huyện Kiến Thụy;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- TAND huyện Kiến Thụy;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu